TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông **Nguyễn Văn Quang**

2. Ông **Lê Ngọc Thơm**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh T** – sinh năm 1988. Có mặt.
HKTT: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở: Thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện H.T. N, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn T** – sinh năm 1985. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 24.3.2020 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Nguyễn Thị Ánh T – nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Bà và ông Nguyễn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Kiệm, huyện H. T. N, tỉnh Bình Thuận

theo giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 14/6/2013.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà T về sống chung cùng cha mẹ ông Thiệp tại khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L được 06 tháng thì dọn về nhà cha mẹ bà Tuyết sống tại thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện H.T. N, tỉnh Bình Thuận. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T có sử dụng ma túy, cờ bạc nên ông lấy tiền, tài sản của vợ chồng đem đi bán. Từ đầu năm 2014 ông T về nhà cha mẹ ông ở cho đến nay, ông không quan tâm đến vợ, con, ông T có lên thăm con, bà T có trình bày việc bà nộp đơn ly hôn ông thì ông T nói không đồng ý ly hôn. Phía gia đình hai bên có khuyên cho vợ chồng bà nhưng không có kết quả. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn Hoàng K (Giới tính: Nam) sinh ngày 28.12.2014, hiện bà T đang nuôi con. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thiệp:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông T không chấp hành, cũng không nộp ý kiến hay giấy tờ tài liệu nào để lưu hồ sơ giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung: Nguyễn Hoàng K (Giới tính: Nam) sinh ngày 28.12.2014.

- Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị Ánh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn T vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Nguyễn T là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa bà T và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại, giữa ông bà hiện tại đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên đã không còn sống chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông T không chấp hành. Theo bà T khai mâu thuẫn của vợ chồng bà xảy ra gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả, thực tế giữa bà và ông T mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm với nhau. Điều đó chứng tỏ giữa bà và ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện nay bà T đang nuôi con, bà vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28.12.2014 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung: Nguyễn Hoàng K (Giới tính: Nam) sinh ngày 28.12.2014.

Ông Nguyễn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022797 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA